

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng Hồ Ea Khal GĐ1

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Nghị định số 35/2025/NĐ-CP ngày 25/02/2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 ngày 29/11/2024; Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014, số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020; Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19/6/2017; Luật số 90/2025/QH15 ngày 25/6/2025 và các luật có liên quan.

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 85/2025/NĐ-CP ngày 08/4/2025 và số 275/2025/NĐ-CP ngày 18/10/2025 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công; số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng; số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng và các nghị định có liên quan;

Căn cứ các Quyết định của Bộ Nông nghiệp và Môi trường: Số 3322/QĐ-BNN-KH ngày 23/7/2021; số 4045/QĐ-BNNMT ngày 30/9/2025 về việc phê duyệt và phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án Hồ Ea Khal GĐ1;

Căn cứ Quyết định số 02297/QĐ-UBND ngày 11/12/2025 của UBND tỉnh Đắk Lắk về phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Hồ Ea Khal GĐ1;

Căn cứ Văn bản số 07893/UBND-NNMT ngày 14/11/2025 của UBND tỉnh Đắk Lắk về ý kiến hồ sơ Báo cáo NCKT, phương án Bồi thường, hỗ trợ tái định cư dự án Hồ Ea Khal GĐ1, tỉnh Đắk Lắk;

Xét Tờ trình số 1162/TTr-BQL ngày 12/12/2025 của Ban Quản lý đầu tư và Xây dựng thủy lợi 7 trình thẩm định, phê duyệt dự án Hồ Ea Khal GĐ1, kèm theo hồ sơ thiết kế, thẩm tra;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý và Xây dựng công trình thủy lợi tại Báo cáo thẩm định số 2830/BC-TL-TĐ ngày 16/12/2025 và Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự án đầu tư xây dựng Hồ Ea Khal GD1 với các nội dung chủ yếu sau:

1. Tên dự án: Hồ Ea Khal GD1.

2. Địa điểm xây dựng: Các xã Ea Súp, Ea Rôk, Ea Khăl, Ea Wy, tỉnh Đắk Lắk.

3. Người quyết định đầu tư: Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

4. Chủ đầu tư: Ban Quản lý Đầu tư và Xây dựng thủy lợi 7.

5. Tổ chức tư vấn lập Báo cáo nghiên cứu khả thi; khảo sát, lập thiết kế cơ sở: Liên danh Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng Thủy lợi 3, Trung tâm quy hoạch và Phát triển nông thôn I và Phân viện Quy hoạch và Thiết kế Nông nghiệp Miền Trung.

6. Loại, nhóm dự án; loại, cấp công trình và tần suất thiết kế:

- Nhóm dự án: Dự án nhóm B.

- Loại công trình: Công trình phục vụ nông nghiệp và phát triển nông thôn.

- Cấp công trình:

+ Cấp công trình xây dựng phục vụ thiết kế xây dựng: Công trình đầu mối cấp II; Hệ thống dẫn nước cấp III, IV;

+ Cấp công trình xây dựng chính phục vụ quản lý hoạt động đầu tư xây dựng: Công trình đầu mối cấp II; Hệ thống dẫn nước cấp I.

- Tần suất thiết kế: Tần suất đảm bảo cấp nước tưới $P=85\%$; tạo nguồn cấp nước sinh hoạt 90% ; lũ thiết kế $1,0\%$, lũ kiểm tra $0,2\%$; dẫn dòng thi công 10% .

7. Mục tiêu, nhiệm vụ đầu tư:

Xây dựng hồ chứa nước Ea Khal và hệ thống dẫn nước để cấp nước cho khoảng 7.200 ha đất canh tác thuộc các xã Ea Súp, Ea Rôk, tỉnh Đắk Lắk; tạo nguồn cấp nước sinh hoạt cho khoảng 20.000 dân, chăn nuôi khoảng 1.000.000 m³/năm; kết hợp cắt giảm lũ, giảm nhẹ ngập lụt cho hạ du và góp phần cải thiện môi trường trong vùng dự án.

8. Nội dung, quy mô đầu tư:

a) Biện pháp công trình: Xây dựng mới hồ chứa điều tiết nhiều năm và hệ thống dẫn nước bằng đường ống kết hợp kênh hở để dẫn nước về khu hưởng lợi đáp ứng mục tiêu, nhiệm vụ của dự án.

b) Vùng tuyến công trình.

- Công trình đầu mối: Vùng tuyến I.

- Hệ thống dẫn nước: Tuyến ống chính dài khoảng 17,00km bắt đầu từ sau cống lấy nước của hồ chứa, đi trên triền cao tại trung tâm khu tưới theo hướng

Đông-Tây; các tuyến nhánh xuất phát từ ống cấp trên rẽ ra 2 bên để đảm bảo cấp nước cho toàn bộ khu tưới.

c) Quy mô và giải pháp kỹ thuật: *(Chi tiết tại Phụ lục I kèm theo).*

- Hồ chứa: Diện tích lưu vực $F_{LV}=185,8\text{km}^2$; dung tích ứng với MNDBT $W_{tb}=54,95$ triệu m^3 ; dung tích hữu ích $W_{hi}=53,11$ triệu m^3 , dung tích chết $W_c=1,84$ triệu m^3 ; các mực nước thiết kế: MNC +246,50m, MNDBT +274,00m.

- Đập chính: Hình thức đập bê tông trọng lực, cao trình đỉnh đập +276,30m, chiều dài đỉnh 188,00m (bao gồm 26,00m tràn xả lũ), chiều rộng đỉnh đập 7,0m, chiều cao đập lớn nhất $H_{\max}=47,3\text{m}$, hệ số mái thượng lưu $m_{TL}=0,0; 0,15$, hệ số mái hạ lưu $m_{HL}=0,75$; kết cấu bê tông và bê tông cốt thép; thân đập bố trí 02 hành lang kiểm tra kết hợp tiêu thoát nước; xử lý chống thấm và gia cố nền bằng khoan phụt vữa xi măng.

- Đập phụ: Hình thức đập đất đồng chất, cao trình đỉnh đập +276,30m, chiều dài đỉnh đập 300,00m, chiều rộng đỉnh đập 6,0m, chiều cao đập lớn nhất $H_{\max}=4,00\text{m}$; mái thượng lưu $m=2,5$, bảo vệ bằng tấm BTCT; mái hạ lưu $m=2,5$, bảo vệ bằng trồng cỏ. Chỉ tiêu đất đắp đập $\gamma_{\text{tkk}} \geq 1,58\text{T/m}^3$, độ chặt $K_C \geq 0,97$, hệ số thấm $K_D \leq 1 \times 10^{-5}\text{cm/s}$, $K_N \leq 5 \times 10^{-5}\text{cm/s}$; tiêu nước chân mái hạ lưu đập bằng hình thức áp mái; nền đập xử lý chống thấm bằng khoan phụt vữa xi măng.

- Tràn xả lũ: Tràn Ôphixêrôp có cửa (đặt giữa đập chính), kết cấu bê tông và bê tông cốt thép, gồm 03 khoang, chiều rộng mỗi khoang 6,0m; điều tiết bằng cửa van cung, vận hành bằng xi lanh thủy lực; tiêu năng mũi phun; trên tràn bố trí cầu giao thông rộng 5,0m, tải trọng HL93; lưu lượng xả lũ thiết kế $Q_{(P1\%)}=597,0\text{m}^3/\text{s}$, lưu lượng xả lũ kiểm tra $Q_{(P0,2\%)}=683,0\text{m}^3/\text{s}$.

- Cổng lấy nước: Bố trí ở vai trái đập chính, hình thức cổng ngầm chảy có áp đặt trong thân đập bê tông, kết cấu ống thép $D=1.600\text{mm}$ bọc BTCT; lưu lượng thiết kế $Q_{TK}=4,80\text{m}^3/\text{s}$; tại nhà van hạ lưu cổng bố trí 01 nhánh cấp nước $D1.450\text{mm}$ và 01 nhánh xả môi trường $D400\text{mm}$, lưu lượng $0,37\text{m}^3/\text{s}$.

- Hệ thống dẫn nước: Tổng chiều dài đường ống 120,56km, trong đó:

+ Ống chính dài 17,0km, đường kính $D=(1.450 \div 900)\text{mm}$, kết cấu ống thép;

+ Hệ thống ống/kênh cấp 1,2,3 gồm 110 tuyến, với tổng chiều dài khoảng 103,56km, trong đó: đường ống dài 97,56km, đường kính $D=(900 \div 90)\text{mm}$, kết cấu ống thép cho các đoạn ống $D \geq 800\text{mm}$, $L=3,84\text{km}$, ống HDPE cho các đoạn ống $D < 800\text{mm}$, $L=93,72\text{km}$. Kênh hở dài 6,00km, kết cấu BTCT, mặt cắt chữ nhật kích thước $(B \times H)=(0,5 \times 0,65)\text{m} \div (0,70 \times 1,0)\text{m}$.

- Công trình trên đường ống, gồm: Hồ thăm, hồ van phân phối, hồ van điều tiết, bể chứa, hồ van xả khí, hồ van xả cặn, hồ van giảm áp, gia cố đoạn qua đường, cống tiêu, tràn băng, xi phông, cống qua đường, cống lấy nước,...

d) Hệ thống thiết bị cơ khí, điện, quan trắc, giám sát:

- Thiết bị cơ khí chính:

+ Cụm công trình đầu mối: (i) Trần xả lũ: 03 cửa van cung, kích thước thông thủy $B \times H = (6,0 \times 6,0)m$, đóng mở bằng xi lanh thủy lực; 01 xe thả phai lắp tời điện 6 tấn, khe phai và 01 bộ phai thép; (ii) Công lấy nước: Cửa nhận nước: 01 bộ máy vớt rác, 01 lưới chắn rác, 01 bộ phai thép, 01 cửa van phẳng kích thước thông thủy $B \times H = (2,0 \times 2,0)m$; 01 máy đóng mở 50VĐ2, sức nâng 50 tấn, 01 cầu trục sức nâng 7,5 tấn; Nhà van hạ lưu: 01 van điều tiết hạ lưu, $DN=1.400mm$; 01 van lọc Y $DN=1.400mm$; 01 cầu trục sức nâng 7,5 tấn; 01 van điều tiết xả môi trường $D400mm$.

+ Hệ thống dẫn nước, gồm: van điều tiết, van xả cạn, van xả khí, van giảm áp, cửa van phẳng, cầu trục (tại nhà van phân phối nước lớn),...

- Hệ thống điện:

+ Cụm công trình đầu mối: (i) Xây dựng đường dây trung thế 03 pha 22kV với tổng chiều dài 9,0km và 03 trạm biến áp (01 trạm biến áp 100kVA; 01 trạm biến áp 320kVA; 01 trạm biến áp 630kVA) để phục vụ cấp điện quản lý vận hành và thi công công trình; (ii) Hệ thống điện chiếu sáng và hệ thống điện phục vụ quản lý, vận hành khu đầu mối và 01 máy phát dự phòng, công suất 100kVA.

+ Hệ thống dẫn nước: Xây dựng đường dây trung thế 03 pha 22kV với tổng chiều dài 9,8km và 09 trạm biến áp 30kVA để phục vụ cấp điện quản lý vận hành các van trong các nhà van chia nước từ ống chính ra cống cấp 1.

- Hệ thống quan trắc, điều khiển, giám sát tự động (Scada) và cảnh báo, đảm bảo an toàn hồ chứa theo quy định tại Nghị định 114/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018, phù hợp với TCVN 8215:2021 và đặc điểm, điều kiện quản lý, vận hành công trình, gồm:

+ Cụm công trình đầu mối: Trạm quan trắc khí tượng - thủy văn; quan trắc chuyển vị, thấm, áp lực kéo cốt thép, độ mở cống, tràn, quan trắc lưu lượng tại đầu ống chính và ống xả môi trường,... và hệ thống điều khiển, giám sát tự động (Scada), hệ thống thông tin cảnh báo lũ hạ du.

+ Hệ thống dẫn nước: Hệ thống quan trắc, giám sát, điều khiển thiết bị cơ khí tại 09 nhà van trên đường ống chính.

e) Công trình phục vụ quản lý, vận hành:

- Cụm công trình đầu mối:

+ Đường quản lý, vận hành, gồm: 04 tuyến với tổng chiều dài 11,23km, trong đó: Tuyến 1 dài 10,20km theo tiêu chuẩn đường cấp IV miền núi; Tuyến 2,3,4 tổng chiều dài 1,03km theo tiêu chuẩn đường nông thôn cấp A;

+ Khu quản lý: Khu quản lý chung diện tích khuôn viên $1.800m^2$, nhà quản lý quy mô 02 tầng diện tích xây dựng $250m^2$; khu quản lý vận hành tràn,

cống lấy nước diện tích khuôn viên 200m^2 , nhà quản lý quy mô 01 tầng diện tích xây dựng 65m^2 .

- Hệ thống dẫn nước:

+ Đường quản lý, vận hành: Ống chính dài $17,00\text{km}$, trong đó: $11,41\text{km}$ sử dụng đường quản lý vận hành đầu mối và đường hiện hữu của địa phương ($6,27\text{km}$ đường QLVH đầu mối; $5,14\text{km}$ đường hiện hữu) và xây mới $5,59\text{km}$ với quy mô đường GTNT cấp A; Ống cấp 1 ĐO1 xây mới dài $5,35\text{km}$ với quy mô đường GTNT cấp A; các tuyến ống cấp dưới có đường kính ống $D \geq 400\text{mm}$, xây dựng đường quản lý cấp D theo tiêu chuẩn đường GTNT, tổng dài $40,18\text{km}$.

+ Khu quản lý: Diện tích khuôn viên 590m^2 , nhà quản lý quy mô 01 tầng diện tích xây dựng 188m^2 .

f) Tổ chức xây dựng và công trình phục vụ thi công:

- Dẫn dòng thi công (công trình đầu mối) qua lòng sông thu hẹp, cống dẫn dòng, phần thân tràn xả lũ.

- Vật liệu xây dựng: (i) Xi măng, sắt thép,... mua tại các nhà cung cấp trong khu vực; (ii) Đất đắp khai thác tại các bãi vật liệu ở hạ du và tận dụng đất đào móng công trình; (iii) Đá, cát được khai thác, sản xuất tại bãi vật liệu trong lòng hồ.

- Công trình phục vụ thi công:

+ Đường thi công: Sử dụng hệ thống đường giao thông hiện hữu trong khu vực, các đường quản lý vận hành và các tuyến đường thi công nội bộ.

+ Công trình dẫn dòng: Cống dẫn dòng, gồm 01 khoang, kích thước $n \times (B \times H) = 1 \times (3,0 \times 3,0)\text{m}$, cao trình ngưỡng cống $+231,50\text{m}$, thượng lưu cống bố trí cửa van thép để phục vụ hoành triệt; hệ thống đề quay thượng, hạ lưu công trình.

+ Mặt bằng thi công, gồm: Khu lán trại, khu gia công sản xuất, bãi trữ, bãi thải, trạm trộn,... với tổng diện tích khoảng $11,86\text{ha}$, trong đó khu đầu mối khoảng $9,06\text{ha}$, hệ thống dẫn nước khoảng $2,8\text{ha}$.

9. Bản vẽ thiết kế cơ sở được đóng dấu xác nhận kèm theo Quyết định này.

10. Số bước thiết kế, danh mục tiêu chuẩn được áp dụng:

- Số bước thiết kế: Cụm công trình đầu mối (đập, tràn, cống) thiết kế 3 bước (thiết kế cơ sở, thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công); Các hạng mục còn lại (đường thi công kết hợp quản lý; khu quản lý; hệ thống dẫn nước, hệ thống điện trung thế và trạm biến áp; hệ thống điều khiển, giám sát tự động (Scada) và các công trình phụ trợ,...) thiết kế 02 bước: Thiết kế cơ sở, thiết kế bản vẽ thi công.

- Danh mục tiêu chuẩn được áp dụng: (Chi tiết tại Phụ lục II kèm theo).

11. Tổng mức đầu tư, giá trị các khoản mục chi phí trong tổng mức

đầu tư: Tổng mức đầu tư: 2.321.000.000.000 đồng (Hai nghìn, ba trăm hai mươi mốt tỷ đồng).

Trong đó:

- Chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư: 386.498.517.000 đồng
- Chi phí xây dựng: 1.289.526.542.000 đồng
- Chi phí thiết bị: 83.696.392.000 đồng
- Chi phí quản lý dự án: 19.111.518.000 đồng
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng: 108.831.595.000 đồng
- Chi phí khác: 37.867.993.000 đồng
- Chi phí dự phòng: 395.467.442.000 đồng

(Chi tiết tại Phụ lục III kèm theo)

12. Thời gian thực hiện dự án: Từ năm 2026 đến năm 2029.

13. Nguồn vốn đầu tư và dự kiến bố trí kế hoạch vốn:

Sử dụng nguồn vốn NSTW do Bộ Nông nghiệp và Môi trường quản lý; kế hoạch trung hạn 2021÷2025 là 40 tỷ đồng, còn lại được bố trí trong giai đoạn 2026 - 2030. Kế hoạch vốn các giai đoạn của Dự án được cấp có thẩm quyền quyết định tại kế hoạch trung hạn vốn đầu tư công nguồn vốn NSTW do Bộ Nông nghiệp và Môi trường quản lý.

14. Hình thức tổ chức quản lý dự án được áp dụng: Ban Quản lý dự án chuyên ngành trực thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

15. Phương án tổng thể bồi thường, hỗ trợ và tái định cư:

Phạm vi giải phóng mặt bằng, gồm: Lòng hồ, mặt bằng xây dựng cụm công trình đầu mối và hệ thống dẫn nước, đường thi công, khu phụ trợ, bãi vật liệu, bãi trữ, bãi thải,.. tổng diện tích khoảng 537,08 ha. Phương án tổng thể bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cụ thể như sau:

- Diện tích từng loại đất dự kiến thu hồi: Đất lâm nghiệp 343,19 ha (Đất có rừng tự nhiên 316,62ha; rừng trồng 2,0ha); đất trồng cây lâu năm 42,34ha; đất trồng cây hàng năm 97,08ha; đất trồng lúa 22,30ha, đất ở nông thôn 0,2ha, đất khác 31,95ha.

- Dự kiến số hộ dân bị ảnh hưởng: 476 hộ; số hộ di dời: 0 hộ.

- Dự kiến số tổ chức bị ảnh hưởng: 03 tổ chức kinh tế (Công ty Lâm nghiệp Thuận Mẫn, Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp EAWY và Công ty TNHH Chế biến thực phẩm và Lâm nghiệp Đắc Lắc).

- Dự kiến tiến độ và kế hoạch di chuyển, bàn giao mặt bằng cho dự án: Bắt đầu từ Quý II năm 2026 và theo tiến độ thi công xây dựng.

- Các hạng mục công việc phục vụ tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ,

tái định cư và cưỡng chế kiểm đếm, cưỡng chế thu hồi đất theo quy định tại Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ và các công việc tư vấn, hạng mục khác có liên quan: tiền bảo vệ phát triển đất lúa, chi phí trồng rừng thay thế,...

16. Đơn vị thụ hưởng tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi:

Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Đắc Lắc là đơn vị thụ hưởng tài sản, kết cấu hạ tầng thủy lợi dự án Hồ Ea Khal GD1.

17. Những lưu ý giai đoạn sau:

- Chủ đầu tư tổ chức lập kế hoạch chi tiết thực hiện các công việc tiếp theo làm cơ sở thực hiện, đồng thời gửi về Bộ (qua Cục Quản lý và XDCT thủy lợi) để theo dõi, đôn đốc. Lưu ý tổ chức thực hiện song song các công việc, đặc biệt là công tác GPMB phải đi trước để đẩy nhanh tiến độ dự án.

- Rà soát kỹ về thành phần, khối lượng, chất lượng tài liệu khảo sát địa hình, địa chất, thủy văn,... trong giai đoạn thiết kế TKKT và thiết kế BVTC đảm bảo phù hợp tiêu chuẩn hiện hành và đặc điểm của công trình.

- Điều tra, khảo sát, đánh giá kỹ vật liệu cát, đá (so chọn phương án khai thác, sản xuất tại bãi vật liệu và mua trên thị trường) về trữ lượng, chất lượng, cự ly vận chuyển,... đảm bảo khả năng cung cấp chủ động theo yêu cầu tiến độ và tiết kiệm chi phí.

- Tối ưu quy mô các công trình phục vụ thi công; thiết kế chi tiết biện pháp thi công nhằm đảm bảo an toàn, hiệu quả và đáp ứng tiến độ.

- Cụm đầu mối:

+ Trên cơ sở tài liệu khảo sát giai đoạn TKKT và kết quả thí nghiệm mô hình thủy lực, rà soát tối ưu kết cấu các hạng mục công trình đảm bảo yêu cầu kinh tế - kỹ thuật.

+ Đập chính: Tiếp tục nghiên cứu so chọn các giải pháp kỹ thuật công nghệ, tối ưu hóa các chỉ tiêu kỹ thuật, kích thước kết cấu các bộ phận để đảm bảo tối ưu kinh tế - kỹ thuật.

+ Đập phụ: Tối ưu kết cấu đập và các chỉ tiêu đất đắp phù hợp với nguồn vật liệu đất đắp, nghiên cứu tận dụng đất đào móng công trình để đắp đập để tiết kiệm chi phí đầu tư.

+ Nghiên cứu sử dụng cống dẫn dòng để xả sâu, nâng cao khả năng phòng lũ và hạ thấp mực nước hồ khi cần thiết.

- Hệ thống dẫn nước:

+ Rà soát tối ưu tuyến, hình thức, kết cấu cho từng đoạn (thép, HDPE,...) để so chọn đáp ứng yêu cầu kinh tế - kỹ thuật.

+ Rà soát số lượng, vị trí các công trình, thiết bị trên đường ống (van điều tiết, van cấp nước, van xả khí, van xả cặn, cống tiêu, tràn băng,...) phù hợp điều kiện thực tế, đảm bảo an toàn, ổn định và thuận lợi trong vận hành, công trình.

+ Lựa chọn thiết bị cơ khí (các van điều tiết, phân phối nước) trên hệ thống dẫn nước đảm bảo phù hợp với đặc điểm, điều kiện làm việc của thiết bị.

- Tổ chức lập, phê duyệt Quy trình bảo trì công trình xây dựng theo các quy định tại Điều 31 Nghị định 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ về Quản lý chất lượng, thi công xây dựng và Bảo trì công trình xây dựng.

- Thực hiện trách nhiệm của Chủ đầu tư dự án theo quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

- Tổ chức lập, trình cấp có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt phương án an toàn đập, hồ chứa theo quy định tại Nghị định 114/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 của Chính phủ và các quy định hiện hành.

- Lập phương án chặn dòng, báo cáo UBND tỉnh Đắk Lắk có ý kiến thống nhất trước khi trình Bộ phê duyệt.

Điều 2. Tổ chức thực hiện.

1. UBND tỉnh Đắk Lắk:

- Chỉ đạo các ban, ngành, địa phương và các đơn vị liên quan: (i) Tổ chức hoàn chỉnh các thủ tục, thẩm định, phê duyệt phương án Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (GPMB) theo thẩm quyền quy định và kịp thời bàn giao mặt bằng cho Ban Quản lý Đầu tư và Xây dựng thủy lợi 7 tổ chức xây dựng công trình theo tiến độ được duyệt; (ii) phối hợp chặt chẽ với Ban 7 tổ chức bảo vệ phạm vi mặt bằng thi công xây dựng công trình cho đến khi đưa vào sử dụng (tránh xảy ra trường hợp tái lấn chiếm).

- Nhiệm vụ cấp nước tưới cho khoảng 7.200ha đất canh tác là kịch bản tưới tối ưu thiết kế theo phương án cơ cấu cây trồng có hiệu quả kinh tế cao nhất tại thời điểm nghiên cứu. Khi công trình đi vào vận hành, căn cứ vào nguồn nước đến, khả năng điều tiết của hồ chứa, nhu cầu dùng nước thời điểm, thực tế sản xuất canh tác và quy định pháp luật, UBND tỉnh Đắk Lắk chịu trách nhiệm chỉ đạo, tổ chức quản lý khai thác, sử dụng công trình đảm bảo an toàn, phù hợp với định hướng quy hoạch phát triển kinh tế xã hội của Địa phương trên nguyên tắc sử dụng tối ưu, hiệu quả nhất nguồn nước và hệ thống công trình, kết cấu hạ tầng của dự án đã đầu tư.

2. Ban Quản lý Đầu tư và Xây dựng thủy lợi 7 thực hiện chức năng chủ đầu tư dự án (bao gồm công tác GPMB): Thực hiện đầy đủ quyền hạn, nghĩa vụ, trách nhiệm chủ đầu tư theo đúng quy định pháp luật hiện hành; tổ chức xây dựng công trình đảm bảo tiến độ, chất lượng; phối hợp với các sở, ngành, cấp chính quyền địa phương trong công tác GPMB theo quy định, đáp ứng tiến độ dự án.

3. UBND các xã Ea Súp, Ea Rók, Ea Khăl, Ea Wy, tỉnh Đắk Lắk chỉ đạo và tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ tái định cư trên địa bàn xã theo quy định tại Điều 14, Nghị định 151/2025/NĐ-CP ngày 12/06/2025 của Chính phủ.

4. Cục Quản lý và Xây dựng công trình thủy lợi chịu trách nhiệm hướng dẫn chủ đầu tư tổ chức quản lý, thực hiện dự án theo đúng quy định hiện hành.

5. Vụ Kế hoạch - Tài chính và các đơn vị thuộc Bộ chịu trách nhiệm xử lý các công việc liên quan đến quá trình thực hiện dự án theo chức năng nhiệm vụ được giao.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Cục trưởng Cục Quản lý và Xây dựng công trình thủy lợi, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch -Tài chính; Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk; Chủ tịch UBND các xã Ea Súp, Ea Rók, Ea Khăl, Ea Wy, tỉnh Đắk Lắk; Giám đốc Ban Quản lý Đầu tư và Xây dựng thủy lợi 7; Giám đốc Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Đắk Lắk và Thủ trưởng các đơn vị liên quan theo chức năng, nhiệm vụ được giao chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng Trần Đức Thắng (để b/c);
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Sở NN&MT Đắk Lắk;
- Kho bạc NN khu vực;
- Lưu: VT, TL.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Nguyễn Hoàng Hiệp